

Số: /KH-SNNMT

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2025

## KẾ HOẠCH

### Triển khai thực hiện cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025 tỉnh Thái Nguyên, lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường

Thực hiện Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025 tỉnh Thái Nguyên, Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng mục đích, ý nghĩa và nội dung của Kế hoạch Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025 tỉnh Thái Nguyên đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và người dân nhằm nâng cao nhận thức, hiểu rõ tầm quan trọng, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong việc triển khai thực hiện.

2. Phân công rõ trách nhiệm của các phòng, đơn vị và người đứng đầu để tập trung tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời phải gắn với thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới để đáp ứng với yêu cầu thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, sáng tạo, đổi mới, gắn trách nhiệm của tập thể và người đứng đầu để mọi nhiệm vụ được thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả cao nhất góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển toàn diện, vững chắc.

3. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch, bình đẳng, thông thoáng, thân thiện; tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; khuyến khích các sáng kiến nhằm rút ngắn quy trình, đơn giản hóa nội dung thủ tục hành chính tạo sự đột phá về thu hút đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

#### II. MỤC TIÊU

- Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh bình đẳng, thân thiện, thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh; giảm tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã tạm ngừng hoạt động; tăng số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số; giảm chi phí đầu vào và chi phí tuân thủ pháp luật trong hoạt động đầu tư, kinh doanh; giảm rủi ro chính sách; củng cố niềm tin, tạo điểm tựa phục hồi và nâng cao sức chống chịu của doanh nghiệp, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính; tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; duy trì và nâng cao vị trí xếp hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường trong bảng xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, địa phương.

- Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện việc cung cấp dịch vụ công toàn trình; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên cả 3 lĩnh vực: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu theo Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025 tỉnh Thái Nguyên.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

#### **1. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm**

Các phòng, đơn vị trực thuộc sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tham mưu và tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2025, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, cụ thể như sau:

- Tích cực tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, tạo chuyển biến sâu sắc về nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao Chỉ số PCI, trách nhiệm của các sở, ngành và địa phương trong nâng cao Chỉ số PCI của tỉnh, hướng tới sự hài lòng của doanh nghiệp, người dân; nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch của ngành, đơn vị; chủ động đề xuất giải pháp đảm bảo hiệu quả, phù hợp tình hình thực tế của địa phương nhằm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải thiện tốt môi trường đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Tăng cường hoạt động tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp, hợp tác xã, người lao động để kịp thời nắm bắt khó khăn vướng mắc và nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các giải pháp, hình thức hỗ trợ thiết thực, phù hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính; rà soát bộ thủ tục hành chính của ngành để giảm chi phí và thời gian trong giải quyết công việc, đảm bảo thuận tiện cho tổ chức, công dân; thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (DDCI), góp phần cải thiện Chỉ số PCI cấp tỉnh và gắn với trách nhiệm thực hiện 142 chỉ tiêu trong 10 chỉ số thành phần của Chỉ số PCI cấp tỉnh.

#### **2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể giao các phòng, đơn vị trực thuộc Sở**

##### **2.1. Văn phòng Sở**

Tham mưu tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước của ngành, nhất là thủ tục hành chính có liên quan đến người dân và doanh nghiệp, hợp tác xã. Theo dõi, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Sở trong việc tuân thủ các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện đánh giá tác động đối với quy định thủ tục hành chính trong quá trình soạn thảo, tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Tăng cường kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra công vụ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, nâng cao kỷ luật kỷ cương hành chính trong

thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

### **2.2. Phòng Kế hoạch - Tài chính**

Tham mưu triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách khuyến khích và hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn. Rà soát, tham mưu đề nghị điều chỉnh, ban hành cơ chế, chính sách cho phù hợp với chủ trương, chính sách của Trung ương và yêu cầu thu hút đầu tư phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung của tỉnh, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Tham mưu, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Sở triển khai thực hiện, tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

### **2.3. Phòng Tổ chức cán bộ**

Tham mưu triển khai, thực hiện quyết liệt, có hiệu quả chủ trương tinh giản, sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị theo hướng “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”. Phối hợp với Văn phòng Sở tham mưu thực hiện nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính, kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra công vụ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, nâng cao kỷ luật kỷ cương hành chính trong thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

Phối hợp với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở và các sở, ngành, địa phương liên quan trong thực hiện nâng cao 10 chỉ số thành phần PCI của tỉnh.

### **2.4. Phòng Quản lý đất đai**

Tham mưu công khai quy hoạch sử dụng đất của tỉnh; tham mưu cơ chế, chính sách về quản lý đất đai theo Luật Đất đai năm 2024 để quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các nguồn lực đất đai, mặt bằng để thực hiện các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên, kịp thời cung cấp thông tin, dữ liệu về đất đai; cập nhật, bổ sung kế hoạch sử dụng đất hàng năm để giới thiệu, thu hút đầu tư; chủ động nắm bắt và tháo gỡ khó khăn vướng mắc của tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực đất đai; rà soát, thống kê và đề xuất thu hồi đất các dự án không triển khai theo đúng quy định của pháp luật.

Tham mưu xây dựng Quy chế phối hợp với Ban Quản lý các KCN tỉnh Thái Nguyên giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp; tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến đất đai tại Khu công nghiệp.

### **2.5. Phòng Địa chất - Khoáng sản**

Tham mưu thực hiện tốt việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; xác định tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong thực hiện các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

### **2.6. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật**

Tăng cường tuyên truyền Luật Trồng trọt, các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn liên quan và phổ biến, triển khai thực hiện các chương trình, đề án, cơ chế, chính sách lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật. Phối hợp với các địa phương đẩy mạnh phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với các loại cây

trồng chủ lực, đặc sản, có lợi thế của địa phương như: Cây chè, cây lúa, cây ăn quả, cây rau màu... gắn với sản xuất an toàn, hữu cơ, tuần hoàn, có thương hiệu sản phẩm, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc.

### **2.7. Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản**

Tăng cường tuyên truyền Luật Chăn nuôi, Luật Thú y và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn có liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản; tập huấn, đào tạo, hướng dẫn các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, tiêu chuẩn VietGAP; các biện pháp phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm, thủy sản, tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với các địa phương đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trang trại tập trung, quy mô công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao ở các vùng xa dân cư theo hướng an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường; giảm chăn nuôi nhỏ lẻ, quy mô hộ; phát triển chăn nuôi gắn với quản lý xây dựng hệ thống cơ sở giết mổ, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; tiếp tục hình thành một số mô hình chuỗi sản xuất, giết mổ, tiêu thụ sản phẩm.

### **2.8. Chi cục Kiểm lâm**

Tăng cường tuyên truyền Luật Lâm nghiệp và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn, đa dạng sinh học.

Tuyên truyền, hướng dẫn việc trồng rừng gỗ lớn gắn với phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Khuyến khích ứng dụng KHCN vào sản xuất các giống lâm nghiệp có năng suất, chất lượng; thu hút phát triển chế biến các sản phẩm từ gỗ.

### **2.9. Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản**

Phối hợp với các đơn vị, địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn về quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản; tuyên truyền việc chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm.

Làm đầu mối phối hợp với các đơn vị, địa phương thực hiện các hoạt động hỗ trợ quảng bá, cung cấp thông tin về giá cả, thị trường tiêu thụ sản phẩm nông lâm thủy sản để định hướng cho kế hoạch sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, dịch vụ, phát triển thị trường gắn với phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc sản, thế mạnh, OCOP của tỉnh, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh...

### **2.10. Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn**

Tư vấn, hướng dẫn thành lập các hợp tác xã kiểu mới, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã gắn với phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc sản, thế mạnh, OCOP của tỉnh; hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp an toàn.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là lao động trong các hợp tác xã, doanh nghiệp gắn với việc chuyên giao ứng dụng KHCN vào sản xuất và theo hướng cung cấp thông tin khoa học, kỹ thuật, thông tin thị trường và định hướng sản xuất.

### **2.11. Chi cục Bảo vệ môi trường**

Tham mưu tăng cường hoạt động truyền thông môi trường, nâng cao nhận thức cho các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân về bảo vệ môi trường. Nhân rộng các mô hình bảo vệ môi trường hiệu quả nhất là các mô hình về quản lý rác thải, chất thải chăn nuôi. Thường xuyên cập nhật, phổ biến, triển khai kịp thời các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Tham mưu, thực hiện tốt việc thẩm định đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn theo quy định pháp luật.

### **2.12. Văn phòng Đăng ký đất đai; Trung tâm Công nghệ thông tin nông nghiệp và môi trường**

Tham mưu thực hiện các giải pháp cải cách thủ tục Đăng ký sở hữu và chuyển nhượng tài sản, trong đó chú trọng nhiệm vụ: Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai; nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, lập kế hoạch số hóa và lưu trữ hồ sơ địa chính ở dạng số để đưa vào khai thác sử dụng tại các Văn phòng đăng ký đất đai; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Trường các phòng, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức tuyên truyền, quán triệt Kế hoạch của UBND tỉnh và Kế hoạch này để nâng cao trách nhiệm của từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ góp phần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ theo lĩnh vực được giao.

2. Định kỳ báo cáo: Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở căn cứ vào nhiệm vụ được giao báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước ngày 25/11/2025** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh; giao phòng Kế hoạch - Tài chính tổng hợp kết quả thực hiện của các đơn vị để báo cáo UBND tỉnh **trước ngày 30/11/2025** theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số PCI năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường yêu cầu các phòng, đơn vị trực thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC

**GIÁM ĐỐC**

**Đặng Văn Huy**

**PHỤ LỤC:**  
**Bảng phân công theo dõi, triển khai thực hiện các Chỉ tiêu**  
**của Chỉ số thành phần (CSTP) của PCI cấp tỉnh**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNNMT ngày /8/2025*  
*của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

STT	Chỉ số thành phần PCI	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp
<b>I</b>	<b>CSTP 1: Gia nhập thị trường</b>		
1	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% DN Đồng ý)	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở
2	Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ (% DN Đồng ý)	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở
3	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% DN Đồng ý)	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở
4	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% DN Đồng ý)	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở
5	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có giải quyết TTHC liên quan	
6	Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (%)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có giải quyết TTHC liên quan	
7	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (% DN Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có giải quyết TTHC liên quan	
8	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% DN đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có giải quyết TTHC liên quan	
9	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% DN Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có giải quyết TTHC liên quan	
10	Tỷ lệ doanh nghiệp phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có giải quyết TTHC liên quan	
11	Tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có giải quyết TTHC liên quan	

12	Tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có giải quyết TTHC liên quan	
<b>II</b>	<b>CSTP 2: Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất</b>		
13	Số ngày chờ đợi để được cấp giấy CNQSDĐ (trung vị)	Phòng Quản lý đất đai; Văn phòng Đăng ký đất đai	UBND cấp xã
14	Doanh nghiệp tư nhân không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	Phòng Quản lý đất đai; Văn phòng Đăng ký đất đai	UBND cấp xã
15	Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	Phòng Quản lý đất đai; Văn phòng Đăng ký đất đai	UBND cấp xã
16	Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (%)	Phòng Quản lý đất đai; Văn phòng Đăng ký đất đai	UBND cấp xã
17	Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng (%)	Phòng Quản lý đất đai; Văn phòng Đăng ký đất đai	UBND cấp xã
18	Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (%)	Phòng Quản lý đất đai; Văn phòng Đăng ký đất đai	UBND cấp xã
19	Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%)	Văn phòng Sở; Văn phòng Đăng ký đất đai	UBND cấp xã
20	Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian (%)	Phòng Quản lý đất đai; Văn phòng Đăng ký đất đai	UBND cấp xã
21	Doanh nghiệp đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao)	Phòng Quản lý đất đai; Văn phòng Đăng ký đất đai	UBND cấp xã
22	Tỷ lệ doanh nghiệp tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất (%)	Phòng Quản lý đất đai; Văn phòng Đăng ký đất đai	UBND cấp xã
23	Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	Phòng Quản lý đất đai; Văn phòng Đăng ký đất đai	UBND cấp xã
24	Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục (%)	Phòng Quản lý đất đai; Văn phòng Đăng ký đất đai	UBND cấp xã
25	Tỷ lệ doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy CNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/lo ngại cán bộ những nhiều (%)	Phòng Quản lý đất đai; Văn phòng Đăng ký đất đai	UBND cấp xã
26	Tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai	Phòng Quản lý đất đai; Văn phòng Đăng ký đất đai	UBND cấp xã
<b>III</b>	<b>CSTP 3: Tính Minh bạch</b>		

27	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
28	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
29	Minh bạch trong đấu thầu (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
30	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp (%)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
31	Số ngày chờ đợi để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu (Trung vị)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
32	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% quan trọng hoặc rất quan trọng)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
33	Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thể)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
34	Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% Có thể) - Biến mới năm 2021	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
<b>IV</b>	<b>CSTP 4: Chi phí thời gian</b>		
35	Tỷ lệ doanh nghiệp dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước (%)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
36	Cán bộ nhà nước thân thiện (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
37	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
38	Doanh nghiệp không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
39	Thủ tục giấy tờ đơn giản (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
40	Phí, lệ phí được công khai (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
41	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có giải quyết TTHC	
42	Tỷ lệ doanh nghiệp không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có giải quyết TTHC	
43	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian cho doanh nghiệp (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có giải quyết TTHC	
44	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có giải quyết TTHC	
<b>V</b>	<b>CSTP 5: Chi phí không chính thức</b>		
45	Các doanh nghiệp cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	

46	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
47	Hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp là phổ biến (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
48	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
49	Tỷ lệ doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
50	Tỷ lệ doanh nghiệp trả chi phí không chính thức (CPKCT) khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có thực hiện thủ tục cấp GPKD có điều kiện	
51	Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%)	Chi cục Bảo vệ môi trường	
52	Doanh nghiệp phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại CPKCT	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
53	Tỷ lệ doanh nghiệp chi trả CPKCT để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai (% DN)	Phòng Quản lý đất đai; Văn phòng đăng ký đất đai	
54	Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
<b>VI</b>	<b>CSTP 6: Cạnh tranh bình đẳng</b>		
55	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
56	Tỉnh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
57	Tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
58	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Phòng Quản lý đất đai; Văn phòng đăng ký đất đai	
59	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
60	Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
61	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Phòng Địa chất – Khoáng sản	
62	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	

63	Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
64	Việc tinh ưu ái cho doanh nghiệp lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho DN (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
65	“Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh” (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
<b>VII</b>	<b>CSTP 7: Tính năng động và tiên phong của chính quyền</b>		
66	Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (% DN)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
67	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% DN)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
68	Các sở, ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
69	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
70	UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
71	Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
72	Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
73	Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
<b>VIII</b>	<b>CSTP 8: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp</b>		
74	Thủ tục để được CQNN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp dễ thực hiện (%)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
<b>IX</b>	<b>CSTP 9: Đào tạo lao động</b>		
<b>X</b>	<b>CSTP 10: Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự</b>		
75	Tỷ lệ doanh nghiệp tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	
76	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% Đồng ý)	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	